CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ TÀI CHÍNH SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012

American Auditing

MỤC LỤC

		Trang
1	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
2	BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
3	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
4	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
5	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
6	BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	10
7	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (GLS) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 06 năm 2009 và số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư.

Công ty có trụ sở đặt tại lầu 2-3 Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị

Ông: Nguyễn Khắc Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/04/2009
Ông: Nguyễn Bằng Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/06/2010
Ông: Đặng Xuân Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/06/2010
Ông: Võ Đắc Khôi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2009
Ông: Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2008
Ông: Trương Thành Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2008
Ông: Phạm Trần Duy Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/08/2011
Ông: Nguyễn Nam Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2008

Ban Kiểm soát

Ông: Nguyễn Thanh Minh	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 20/08/2011
Bà: Lê Thị Phương Uyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2009
Bà: Quan Diễm Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/06/2010

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh trung thực và hợp lý tài chính của Công ty trong giai đoạn. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của Công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty, đến kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty trong kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

5. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

6. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo từ trang 4 đến trang 21 cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ , tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Thay mặt Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Ông: Nguyễn Khắc Sơn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, được lập từ trang 4 đến trang 21.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và tuân thủ theo các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)

NGUYỄN HỮU TRÍ
Giám Đốc
Chứng Chỉ KTV số 0476/KTV

PHẠM ĐỨC NGUYỆN
Kiểm toán viên
Chứng Chỉ KTV số 1186/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**57.635.208.579**	**55.471.109.696**
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	**110**	**IV.1**	**18.302.003.289**	**18.609.540.387**
1. Tiền	111		18.302.003.289	18.609.540.387
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**24.182.584.272**	**16.918.252.547**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		30.161.010.987	28.072.014.612
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(5.978.426.715)	(11.153.762.065)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**14.290.462.587**	**19.568.097.541**
1. Phải thu khách hàng	131	IV.4	40.006.000	96.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		2.294.353	79.750
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		11.472.852	15.255.373
5. Các khoản phải thu khác	138		14.545.498.177	19.666.442.495
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	IV.5	(308.808.795)	(209.680.077)
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**860.158.431**	**375.219.221**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		556.984.022	113.244.812
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		303.174.409	261.974.409
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	**200**		**21.796.113.136**	**23.678.676.836**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**20.571.198.517**	**22.292.898.211**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.6	8.331.176.129	9.011.667.119
- Nguyên giá	222		14.119.732.903	14.119.732.903
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.788.556.774)	(5.108.065.784)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.7	12.240.022.388	13.281.231.092
- Nguyên giá	228		18.032.286.673	18.032.286.673
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.792.264.285)	(4.751.055.581)
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.224.914.619**	**1.385.778.625**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	845.469.752	1.039.598.570
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.9	379.444.867	346.180.055
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**79.431.321.715**	**79.149.786.532**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ		Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**2.839.010.826**	**3.258.850.018**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**2.839.010.826**	**3.258.850.018**
2. Phải trả cho người bán	312		63.910.922	56.264.800
3. Người mua trả tiền trước	313		5.000.000	5.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV.10	27.774.003	28.559.986
5. Phải trả người lao động	315		14.355.311	187.696.600
6. Chi phí phải trả	316		216.664.353	296.217.550
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV.11	991.617.006	784.072.291
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		1.448.128.000	1.842.924.000
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		52.852.297	20.905.857
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18.708.934	37.208.934
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**IV.12**	**76.592.310.889**	**75.890.936.514**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(58.407.689.111)	(59.109.063.486)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**79.431.321.715**	**79.149.786.532**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
6. Chứng khoán lưu ký	**006**		**132.917.370.000**	**120.788.240.000**
Trong đó:			-	-
6.1- Chứng khoán giao dịch	**007**		**129.324.540.000**	**116.324.220.000**
6.1.1- CK giao dịch của thành viên lưu ký	008		12.287.610.000	6.173.150.000
6.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	009		117.036.930.000	110.151.070.000
6.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch (GD)	**012**		**-**	**23.900.000**
6.2.2- CK tạm ngừng GD khách hàng trong nước	014		-	23.900.000
6.3- Chứng khoán cầm cố	**017**		**14.000.000**	**14.000.000**
6.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	019		14.000.000	14.000.000
6.4- Chứng khoán tạm giữ	**022**		**-**	**-**
6.5- Chứng khoán chờ thanh toán	**027**		**3.056.000.000**	**3.800.600.000**
6.5.2. CK chờ thanh toán khách hàng trong nước	029		3.056.000.000	3.800.600.000
6.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	**032**		**-**	**-**
6.7- Chứng khoán chờ giao dịch	**037**		**522.830.000**	**625.520.000**
6.7.2. CK chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		522.830.000	625.520.000
6.8- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	**042**		**-**	**-**
6.9- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	**047**		**-**	**-**
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	**050**		**1.279.620.000**	**990.500.000**
Trong đó:			-	-
7.1- Chứng khoán giao dịch	051		**1.279.620.000**	**984.500.000**
7.1.1- CK giao dịch của thành viên lưu ký	052		350.000	-
7.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	053		1.279.270.000	984.500.000
7.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		**-**	**-**
7.3- Chứng khoán cầm cố	061		**-**	**-**
7.4- Chứng khoán tạm giữ	066		**-**	**-**
7 .5- Chứng khoán chờ thanh toán	071		**-**	**6.000.000**
7.5.2. CK chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		-	6.000.000
7.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		**-**	**-**
7.7- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		**-**	**-**
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		**-**	**-**
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		**-**	**-**
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đấu giá	084		**-**	**-**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

S.Q.Đ: 31 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG QUẬN 3 - TP HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thùy
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Ngọc Trường Chinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

Mẫu số B 02a-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu	**01**	**V.1**	**6.172.056.780**	**6.124.872.866**
Trong đó				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.368.798.777	2.572.626.930
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.565.817.749	629.989.791
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.217.940.132	2.016.707.518
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		1.019.500.122	905.548.627
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	**10**		**6.172.056.780**	**6.124.872.866**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.2	(1.663.769.241)	4.432.550.085
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	**20**		**7.835.826.021**	**1.692.322.781**
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.3	7.134.501.474	8.900.335.864
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	**30**		**701.324.547**	**(7.208.013.083)**
8. Thu nhập khác	31		50.028	1.710.500
9. Chi phí khác	32		200	-
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**49.828**	**1.710.500**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**701.374.375**	**(7.206.302.583)**
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**701.374.375**	**(7.206.302.583)**
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Nguyễn Thị Bích Thùy
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Ngọc Trường Chinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**701.374.375**	**(7.206.302.583)**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.721.699.694	2.241.078.403
- Các khoản dự phòng	03		(5.076.206.632)	1.656.598.800
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.463.241.312)	(1.365.635.935)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(4.116.373.875)**	**(4.674.261.315)**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		5.561.774.332	15.090.403.476
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho, đầu tư ngắn hạn	10		(3.088.996.375)	1.010.555.636
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(609.013.907)	(5.183.793.168)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(249.610.392)	(93.695.269)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		309.205.080.765	436.680.010.322
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(309.473.638.958)	(426.627.987.157)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(2.770.778.410)**	**16.201.232.525**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(838.368.285)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.217.790.775)	(116.590.808.078)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		101.217.790.775	126.590.808.078
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.463.241.312	1.352.933.857
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**2.463.241.312**	**10.514.565.572**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(10.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**-**	**(10.000.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(307.537.098)**	**16.715.798.097**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**18.609.540.387**	**6.155.710.240**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 =50+60+61)	**70**		**18.302.003.289**	**22.871.508.337**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

S.Q.Đ: 31 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG QUẬN 3 - TP HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thùy	**Nguyễn Ngọc Trường Chinh**
Kế Toán Trưởng	**Tổng Giám đốc**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tiền tệ: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Tại 01/01/2011	Tại 01/01/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012		Tại 30/6/2011	Tại 30/6/2012
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	IV.12	135.000.000.000	135.000.000.000					135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần								-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu								-	-
4. Cổ phiếu quỹ								-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản								-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái								-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển								-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính								-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu								-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(43.559.130.091)	(59.109.063.486)	(7.206.302.583)		701.374.375		(50.765.432.674)	(58.407.689.111)
Tổng cộng		**91.440.869.909**	**75.890.936.514**	**(7.206.302.583)**	**-**	**701.374.375**	**-**	**84.234.567.326**	**76.592.310.889**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Thị Bích Thùy
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Ngọc Trường Chinh
Tổng Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (GLS) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 06 năm 2009 và số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Công ty có trụ sở đặt tại lầu 2-3 Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2 Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư.

3. Tổng số nhân viên và người lao động

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 là: 33 người

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

► Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

► Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

► Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

► Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

► Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn thảo được dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CNXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

3 Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của các nhà đầu tư.

2 Các khoản phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

b. Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạnh phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

3 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009, cụ thể như sau:

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	*Thời gian (năm)*
Nhà cửa vật kiến trúc	5
Máy móc thiết bị	3-8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình bao gồm: phần mềm giao dịch, kế toán, website, các loại bản quyền phần mềm... Trích khấu hao theo đường thẳng, thời gian từ 03 - 15 năm.

4 Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Theo thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu nêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 29 tháng 6 năm 2012.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 02 năm 2009. Theo đó, mức trích dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

5 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đương thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng.

6 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản về vật dụng văn phòng, trang trí, cải tạo nội thất văn phòng, hệ thống mạng. Các khoản chi phí này được phân bổ dần từ mười hai (12) đến sáu mươi (60) tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

8 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

9 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đpá ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tiền tệ: VND

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
- Tiền mặt tại quỹ	54.226.128	90.584.975
- Tiền gửi ngân hàng	17.402.081.161	17.630.850.412
Trong đó:		
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	990.417.006	782.742.291
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	845.696.000	888.105.000
Tổng cộng	**18.302.003.289**	**18.609.540.387**

2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a. Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	1.345.436	24.168.591.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	28.245.011	373.477.716.100
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
Tổng cộng	**29.590.447**	**397.646.307.100**

3 Tình hình đầu tư tài chính

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
I. Chứng khoán thương mại	-	-
II. Chứng khoán đầu tư	-	-
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán		
- Cổ phiếu	-	-
Số lượng	1.328.796	717.315
Giá trị theo sổ kế toán	30.161.010.987	27.072.014.612
Tăng /(giảm) so với giá thị trường	5.815.847.888	(11.138.327.412)
Tổng giá trị theo giá thị trường	24.345.000.700	15.933.687.200
- Trái phiếu	-	-
- Chứng chỉ quỹ	-	-
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
III. Đầu tư góp vốn	-	-
IV. Đầu tư tài chính khác	-	1.000.000.000

4 Các khoản phải thu

Chi tiết tại Phụ lục 01

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

5 Tình hình trích lập các khoản phải thu khó đòi

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Số dư đầu kỳ	**209.680.077**	-
Số sử dụng trong kỳ	-	-
Số trích lập trong kỳ	99.128.718	-
Số dư cuối kỳ	**308.808.795**	-

6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2012	91.679.020	13.043.073.783	984.980.100	-	-	14.119.732.903
Tại 30/6/2012	91.679.020	13.043.073.783	984.980.100	-	-	14.119.732.903
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2012	70.287.249	4.408.485.693	629.292.842			5.108.065.784
- Khấu hao trong năm	9.167.904	589.241.406	82.081.680			680.490.990
Tại 30/6/2012	79.455.153	4.997.727.099	711.374.522	-	-	5.788.556.774
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	21.391.771	8.634.588.090	355.687.258	-	-	9.011.667.119
Tại 30/6/2012	12.223.867	8.045.346.684	273.605.578	-	-	8.331.176.129

7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Tài sản khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2012				18.032.286.673	18.032.286.673
Tại 30/6/2012	-	-	-	18.032.286.673	18.032.286.673
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2012				4.751.055.581	4.751.055.581
Tại 30/6/2012	-	-	-	5.792.264.285	5.792.264.285
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	-	-	-	13.281.231.092	13.281.231.092
Tại 30/6/2012	-	-	-	12.240.022.388	12.240.022.388

8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Tại 01/01/2012	Tăng trong kì	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kì	Số cuối năm
Vật dụng văn phòng	203.684.423	-	64.687.140	**138.997.283**
Chi phí văn phòng làm việc	835.914.147	-	129.441.678	**706.472.469**
Tổng cộng	**1.039.598.570**	-	**194.128.818**	**845.469.752**

9 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Tiền nộp ban đầu	346.180.055	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	33.264.812	222.295.102
Tiền lãi phân bổ trong năm	-	3.884.953
Tổng cộng	**379.444.867**	**346.180.055**

10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Thuế GTGT phải nộp	-	11.369.824
Thuế thu nhập cá nhân	27.774.003	17.190.162
Tổng cộng	**27.774.003**	**28.559.986**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Nhận ký quỹ ngắn hạn của nhà đầu tư	990.417.006	782.742.291
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.200.000	1.330.000
Tổng cộng	**991.617.006**	**784.072.291**

12 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu kỳ (tại 01/01/2012)	**135.000.000.000**
Tăng / (giảm) vốn góp trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ (tại 30/6/2012)	**135.000.000.000**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/6/2012

	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ
Công ty CP xây dựng và kinh doanh địa ốc Hoà Bình	29.635.000.000	21,95%
Công ty CP phát triển nhà Thủ Đức	30.363.000.000	22,49%
Công ty CP Ngoại thương và Phát triển đầu tư TP.HCM	13.500.000.000	10,00%
Công ty CP Vạn Phát Hưng	13.365.000.000	9,90%
Công ty CP Đồng Tâm miền Trung	13.365.000.000	9,90%
Công ty TNHH Phú Mỹ Thuận	7.331.000.000	5,43%
Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long	6.750.000.000	5,00%
Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1	6.750.000.000	5,00%
Các cổ đông khác	13.941.000.000	10,33%
Tổng cộng	**135.000.000.000**	**100,00%**

c. Lợi nhuận chưa phân phối

	VND
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	**(59.109.063.486)**
Lợi nhuận trên báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	701.374.375
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	**(58.407.689.111)**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1 Doanh thu

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.368.798.777	2.572.626.930
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.565.817.749	629.989.791
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.217.940.132	2.016.707.518
Doanh thu khác	1.019.500.122	905.548.627
Tổng cộng	**6.172.056.780**	**6.124.872.866**

2 Chi phí hoạt động kinh doanh

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.598.424.497	151.959.900
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.789.877.184	2.495.843.119
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	45.002.908	50.231.600
Chi phí khác	78.261.520	77.916.666
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh	**3.511.566.109**	**2.775.951.285**
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (*)	*5.175.335.350*	-
Tổng cộng	**(1.663.769.241)**	**2.775.951.285**

(*) Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài chính, các khoản kinh doanh hoạt động chứng khoán góp vốn khi có lãi (giá bán cao hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục doanh thu, khi lỗ (giá bán thấp hơn giá gốc), trích lập dự phòng hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán thì ghi nhận vào chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán.

3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Chi phí nhân viên	2.228.306.310	2.995.145.340
Chi phí đồ dùng văn phòng	66.276.207	80.570.216
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.721.699.694	2.241.078.403
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	99.128.718	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.177.891.507	2.301.397.722
Chi phí bằng tiền khác	838.199.038	1.279.144.183
Tổng cộng	**7.134.501.474**	**8.900.335.864**

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

2 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính

		Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền		18.302.003.289	18.609.540.387
Các khoản phải thu ngắn hạn		14.285.462.587	19.563.097.541
	Cộng	**32.587.465.876**	**38.172.637.928**
Công nợ tài chính			
Vay ngắn hạn		-	-
Phải trả người bán		63.910.922	56.264.800
Các khoản phải trả phải nộp khác		991.617.006	784.072.291
Vay và nợ dài hạn		-	-
	Cộng	**1.055.527.928**	**840.337.091**
Trạng thái ròng		**31.531.937.948**	**37.332.300.837**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.
Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ gồm các khoản vay như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này mà giảm thiểu rủi ro bằng cách giảm trạng thái ngoại tệ ròng nắm giữ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ vay hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hay đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính giữa niên độ được đính kèm.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo

Nợ phải trả tài chính	**Dưới 1 năm**	**Từ 1 năm đến 5 năm**	**Tổng cộng**
Tại 30/6/2012			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	63.910.922	-	63.910.922
Các khoản phải trả khác	991.617.006	-	991.617.006
Cộng	**1.055.527.928**	**-**	**1.055.527.928**
Tại 01/01/2012			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	56.264.800	-	56.264.800
Các khoản phải trả khác	784.072.291	-	784.072.291
Cộng	**840.337.091**	**-**	**840.337.091**
Tài sản tài chính			
Tại 30/6/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.302.003.289	-	18.302.003.289
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.290.462.587	-	14.290.462.587
Cộng	**32.592.465.876**	**-**	**32.592.465.876**
Tại 01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.609.540.387	-	18.609.540.387
Các khoản phải thu ngắn hạn	19.568.097.541	-	19.568.097.541
Cộng	**38.177.637.928**	**-**	**38.177.637.928**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

S.Q.Đ: 31 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thùy
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Ngọc Trường Chinh
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu khác hàng	96.000.000	-	-	78.506.000	134.500.000	40.006.000	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	15.255.373	-	-	1.761.228.109	1.765.010.630	11.472.852	-	-	-
- Phải thu Sở GDCK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	15.255.373	-	-	1.761.228.109	1.765.010.630	11.472.852	-	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	19.666.522.245	-	-	23.184.717.387	28.303.447.102	14.547.792.530	-	-	-
Tổng cộng	**19.777.777.618**	**-**	**-**	**25.024.451.496**	**30.202.957.732**	**14.599.271.382**	**-**	**-**	**-**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Thị Bích Thùy
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Ngọc Trường Chinh
Tổng Giám đốc